

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 02 (10/01/2022-14/01/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

UN: Đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang bắt đầu chậm lại;
WB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 4,1%;
Lạm phát ở Mỹ cao nhất trong gần 40 năm, kỳ vọng lạm phát 2022 vẫn cao;
Chỉ số dẫn báo kinh tế Nhật Bản cao nhất kể từ tháng 7/2021;
Trung Quốc: Lạm phát 2021 thấp hơn dự báo thị trường, PPI giảm xuống mức thấp nhất 4 tháng;
Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2022 xuống 4,3%;
PBoC: lần đầu tiên hạ lãi suất cho vay trung hạn kể từ tháng 4/2020.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
Tổng Cục thống kê công bố Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

Văn bản mới ban hành và dự thảo xin ý kiến

Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ;
Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội (Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022).
Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TUẦN 02(10/01-14/01/2022)

* Thị trường tiền tệ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Ngày áp dụng: 13/01/2022

Thời hạn	LS bình quân LNH (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	1,04	-0,22	0,31	0,31
1 Tuần	1,64	-0,04	0,21	0,21
2 Tuần	2,1	-0,49	-0,13	-0,13
1 Tháng	2,24	0,31	0,01	0,01
3 Tháng	2,73	-1,11	0,14	0,14
6 Tháng	1,41	-2,46	-1,81	-1,81
9 Tháng	4,03	0,21	0,77	0,77
Ghi chú:				

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
10/01/2022	7	2,5	5.000	0/0	0/0	2,5
11/01/2022	7	2,5	5.000	0/0	0/0	2,5
12/01/2022	7	2,5	5.000	0/0	0/0	2,5
13/01/2022	7	2,5	5.000	0/0	0/0	2,5
		Tổng cộng	20.000			

Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN

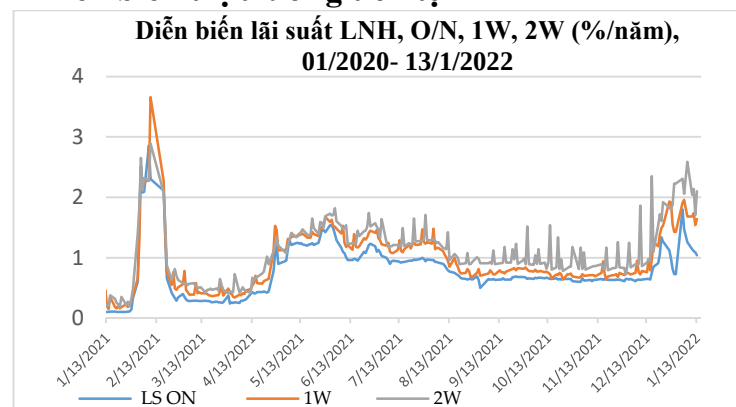
Bảng 3: Thị trường trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Tuần 02			Lũy kế năm 2022	
1	Tổng giá trị gọi thầu (tỷ đồng)	7.000			14.000	
2	Tổng giá trị đăng ký (tỷ đồng)	16.111			32.829	
3	Tổng giá trị trúng thầu (tỷ đồng)	4.935			10.152	
4	Tỷ lệ đăng ký (lần)	2,30			2,34	
5	Tỷ lệ trúng thầu (%)	71%			73%	
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VNĐ)	Lãi suất (%)	Tỷ trọng theo kỳ hạn (%)	Giá trị (tỷ VNĐ)	Lãi suất (%)
1	5 Năm					
2	7 Năm	500	1,3 - 1,55	7%	500	1,3 - 1,55
3	10 Năm	2.500	2,07 - 2,4	36%	5.500	2,05 - 2,4
4	15 Năm	2.500	2,36 - 2,5	36%	5.500	2,33 - 2,6
5	20 Năm				1.000	2,75 - 3,3
6	30 Năm	1.500	2,94 - 3,2	21%	1.500	2,94 - 3,2
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VNĐ)	Lãi suất (%)	Tỷ trọng theo kỳ hạn (%)	Giá trị (tỷ VNĐ)	Lãi suất (%)
1	5 Năm					
2	7 Năm	0	0 - 0	0%	0	0 - 0
3	10 Năm	1.935	2,08 - 2,08	40%	4.067	2,07 - 2,08
4	15 Năm	1.500	2,36 - 2,36	30%	4.250	2,35 - 2,36
5	20 Năm				335	2,75 - 2,75
6	30 Năm	1.500	2,96 - 2,96	30%	1.500	2,96 - 2,96

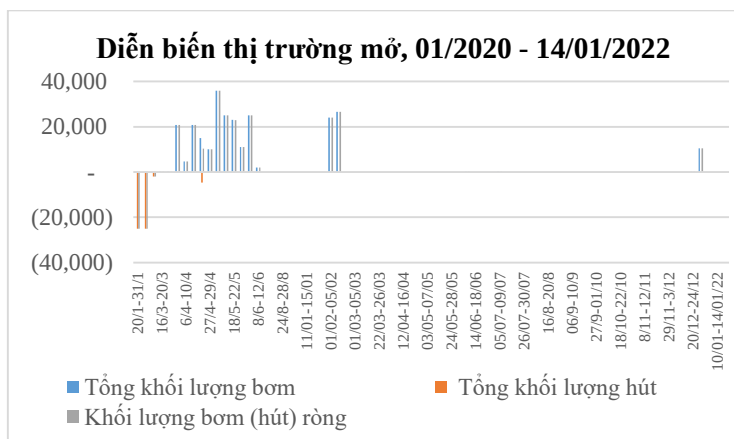
Nguồn: HNX. NHNN

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

* Diễn biến thị trường tiền tệ

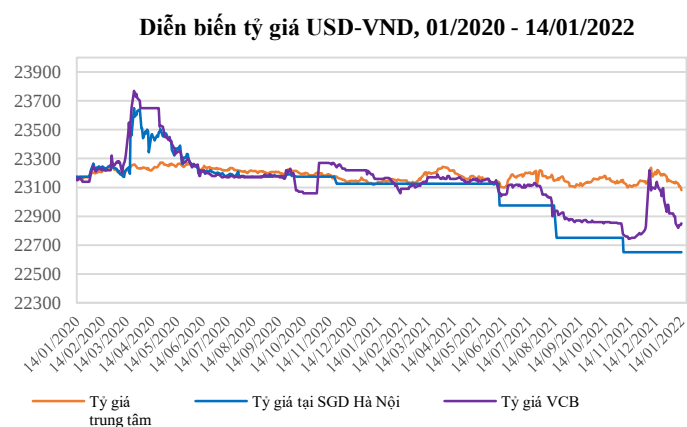


Nguồn: NHNN

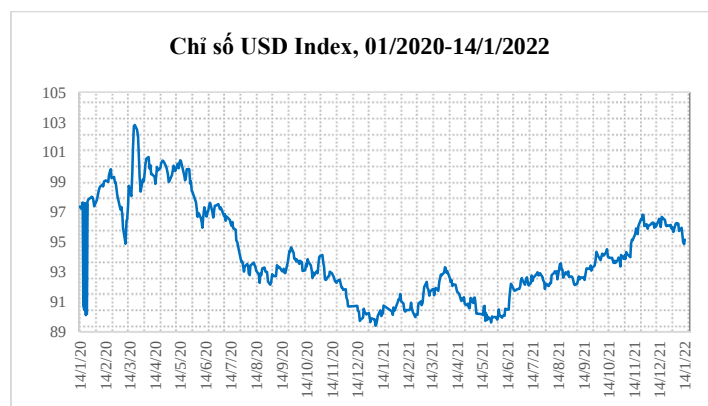


Nguồn: NHNN

* Thị trường ngoại hối



Nguồn: NHNN

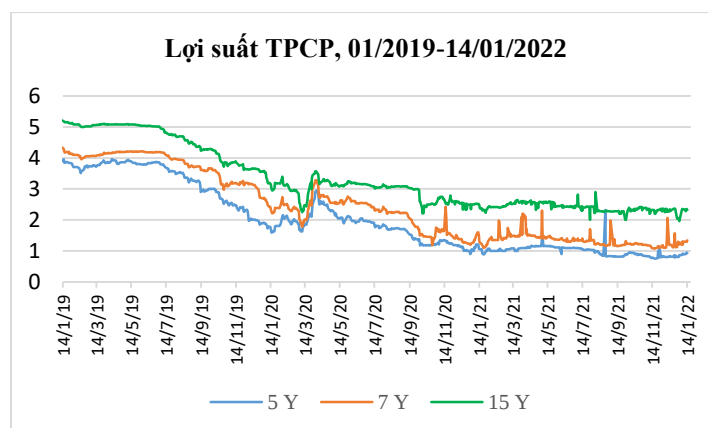


Nguồn: Trading economics

* Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 02 (10/01-14/01/2022)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	0.25 %	1.25 %	15/03/2020	NA
ECB	Châu Âu	0.00 %	0.05 %	10/03/2016	NA
BOJ	Nhật Bản	-0.10 %	0.00 %	01/02/2016	NA
PBoC	Tr/Quốc	3.80 %	3.850 %	20/12/2021	NA
RBA	Úc	0.10 %	0.25 %	03/11/2020	01/02/2022
BoE	Anh	0.25 %	0.10 %	16/12/2021	NA
BOK	Hàn Quốc	1.00 %	0.75 %	25/11/2021	14/01/2022
BI	Indonesia	3.50 %	3.75 %	16/06/2016	NA
BNM	Malaysia	1.75%	2.00%	06/07/2020	NA
BOT	Thái Lan	0.50 %	0.75 %	19/05/2020	NA

Nguồn: Investing.com; 15/01/2022

Thị trường ngoại hối

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo tuần	+/_ % theo tháng	+/_ % sv đầu năm
EURUSD	1.14152	0.48%	1.08%	0.39%
GBPUSD	1.36755	0.63%	3.09%	1.14%
AUDUSD	0.72156	0.46%	0.61%	-0.72%
USDJPY	114.18	-1.18%	0.02%	-0.80%
USDCNY	6.35743	-0.39%	-0.26%	-0.10%
USDCAD	1.25495	-0.75%	-2.22%	-0.60%
USDRUB	76.1803	1.00%	3.65%	2.17%
USDKRW	1,185.7	-1.01%	0.42%	0.06%
USDTHB	33.2000	-1.25%	-0.66%	-0.09%
USDSGD	1.34592	-0.66%	-1.42%	-0.13%
USDHKD	7.78422	-0.16%	-0.24%	-0.15%

Nguồn: Tradingeconomics, 16/01/2022

Thị trường trái phiếu

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm một số thị trường lớn	Lợi tức	+/_ % theo tuần	+/_ % theo tháng	+/_ % sv đầu năm
United States	1.7912	0.09%	0.03%	0.33%
UK	1.1590	0.05%	-0.02%	0.42%
Japan	0.1560	0.03%	0.03%	0.11%
Australia	1.8710	0.01%	0.03%	0.29%
Germany	-0.0370	0.05%	-0.01%	0.33%
China	2.7950	0.00%	-0.03%	-0.10%
Hong Kong	1.6020	-0.04%	0.16%	0.10%
Thailand	2.0950	0.01%	0.10%	0.11%
Philippines	4.7060	-0.02%	1.68%	1.76%
South Korea	2.4530	0.06%	-0.01%	0.29%
Indonesia	6.4020	-0.01%	-0.02%	0.00%
Malaysia	3.6620	0.00%	-0.01%	0.10%
Singapore	1.7710	-0.02%	-0.02%	0.14%

Nguồn: Tradingeconomics, 15/01/2022

Thị trường cổ phiếu

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 tuần	+/_ % 1 tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % 1 năm	+/_ % 3 năm
Dow Jones	-0.88%	+1.54%	-1.17%	+16.54%	+47.36%
S&P 500	-0.30%	+0.91%	-2.17%	+23.74%	+76.89%
Nasdaq	-0.28%	-1.82%	-4.80%	+14.58%	+110.23%
DAX	-0.40%	+2.26%	-0.01%	+15.20%	+45.47%
FTSE 100	+0.77%	+3.76%	+2.15%	+11.98%	+10.36%
CAC 40	-1.06%	+3.12%	-0.14%	+27.29%	+48.99%
Euro Stoxx 50	-0.78%	+2.66%	-0.61%	+18.69%	+39.19%
Nikkei 225	-1.24%	-1.48%	-2.32%	-1.38%	+37.85%
Shanghai	-1.63%	-3.06%	-3.26%	-1.27%	+37.57%
Hang Seng	+3.79%	+5.13%	+4.21%	-14.67%	-8.87%
SET	+0.91%	+1.88%	+0.91%	+10.10%	+5.84%
KOSPI	-1.12%	-3.17%	-1.87%	-5.31%	+38.67%
IDX	-0.12%	+1.39%	+1.70%	+5.02%	+4.20%
PSEI	+3.57%	-0.50%	+1.95%	+0.32%	-8.40%

Nguồn: Investing, 16/01/2022

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % theo tuần	+/_ % theo tháng	+/_ % sv đầu năm
Crude Oil USD/Bbl	84.2600	6.79	19.25	12.03
Natural gas USD/MMBtu	4.2210	7.79	12.23	13.16
Gasoline USD/Gal	2.4211	5.32	14.62	8.83
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1,817.29	1.21	2.26	-0.61
Silver USD/t.oz	22.952	2.92	4.09	-1.36
Lithium CNY/T	327,500	9.72	42.08	18.02
Platinum SD/t.oz	970.09	1.56	5.62	0.78

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % so với đầu năm
Copper USD/Lbs	4.4205	0.24	5.77	-0.96
Steel CNY/T	4,620.00	-0.58	7.37	1.58
Iron Ore USD/T	127.00	4.53	17.05	9.48
Aluminum USD/T	2,976.50	2.13	14.61	6.02
Zinc USD/T	3,521.00	-0.34	7.63	-0.37
Coal USD/T	220.00	12.82	33.54	29.72

Nguồn: Tradingeconomics, 15/01/2022

IV. MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan ban hành	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
QH	Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội.	11/01/2022	
CP	Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022	10/01/2022	
CP	Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ	15/01/2022	01/03/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tình hình và tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2022: Đà tăng trưởng đang bắt đầu chậm lại

Trong báo cáo mới nhất về kinh tế toàn cầu, Liên hợp quốc (LHQ) cho rằng đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu có được trong năm 2021 đang bắt đầu chậm lại từ cuối năm ngoái, có thể thấy ở các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ do các biện pháp kích thích tiền tệ tài chính bắt đầu giảm dần và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng lại nổi lên.

LHQ cũng cho rằng cùng với tình trạng đại dịch tiếp diễn phức tạp, áp lực lạm phát ngày càng cao ở các nền kinh tế phát triển và một số nền kinh tế đang phát triển lớn đang tạo ra nhiều nguy cơ đe dọa tiến trình phục hồi toàn cầu. Lạm phát toàn cầu đã lên tới 5,2% trong năm 2021, tăng 2 điểm phần trăm so với xu hướng chung trong 10 năm trở lại đây. Hậu quả lâu dài của đại dịch sẽ dẫn tới khoảng cách bất bình đẳng giữa các nước ngày càng xa.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu: WB dự báo tăng trưởng năm 2022 ở mức 4,1%

Trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu phát hành mới nhất, Ngân hàng Thế giới (WB) đã cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay xuống 4,1%, sau khi phục hồi lên mức 5,5% trong năm 2022.

Dự báo tăng trưởng năm trước và năm nay đều thấp hơn 0,2% so với ước tính công bố hồi tháng 6/2021.

Developed economies



East Asia



Nguồn: Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2022 của LHQ

Nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 4,1% vào năm 2022 và 3,2% vào năm 2023, giảm tốc đáng kể so với mức mở rộng 5,5% vào năm 2021, sau khi nhu cầu bị dòn nên được giải tỏa và khi mà các hỗ trợ tài chính và tiền tệ dần được rút lại trên toàn thế giới.

Ngoài ra, WB cũng cảnh báo rằng các biến thể COVID-19 mới, sự gia tăng lạm phát, nợ và bất bình đẳng thu nhập đang và sẽ tiếp tục đe dọa sự phục hồi ở các nền kinh tế đang phát triển.

GDP của Mỹ được dự báo sẽ tăng 3,7% vào năm 2022 (so với 4,2% ước tính trước đó) trong khi Khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ tăng 4,2% (so với 4,4%). Trung Quốc có thể sẽ tăng 5,1% (so với 5,4%), Nhật Bản tăng 2,9% (so với 2,6%) và Ấn Độ tăng 8,7% (so với 7,5%).

Nguồn: World Bank

Mỹ: Lạm phát đã cao nhất trong gần 40 năm, kỳ vọng lạm phát năm 2022 vẫn cao

CPI của Mỹ tăng 7% trong năm 2021 – tốc độ tăng mạnh nhất kể từ tháng 6/1982. Loại trừ các yếu tố biến động mạnh là thực phẩm và năng lượng, CPI lõi tháng 12/2021 cũng tăng mạnh so với tháng 11, tăng vượt dự báo 0.6%.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng CPI của Mỹ có thể đã đạt "đỉnh" vào tháng 12/2021, một số khác lại dự báo có thể sẽ tăng tiếp tới khoảng tháng 3/2022 mới đạt "đỉnh".

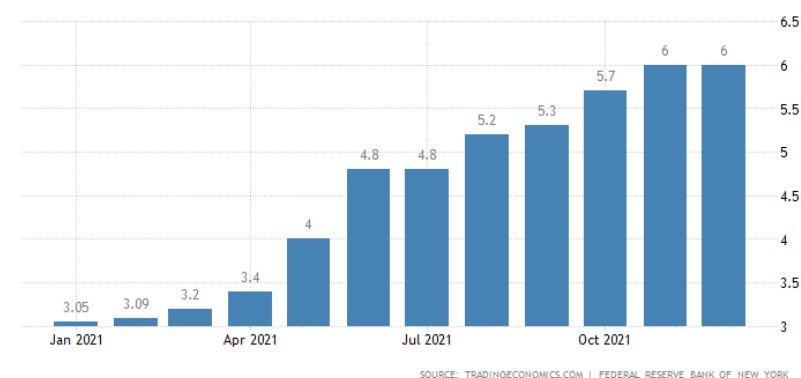
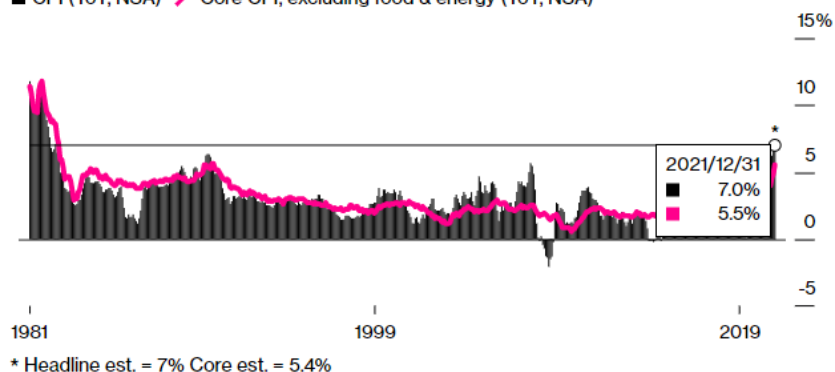
Kỳ vọng lạm phát giá tiêu dùng trong năm 2022 cũng vẫn cao ở mức kỷ lục 6% - tương tự như chỉ số của tháng 11. Kỳ vọng giá nhà tăng từ mức 5% của tháng 11 lên 5,5%. Sự khác biệt quan điểm về lạm phát trong tương lai đã giảm đi và kỳ vọng về biến động giá cả trong năm tới đã giảm khoảng 3,5 điểm phần trăm (còn 5,7%), 1,4 điểm pt với giá lương thực (còn 7,8%), giảm 1 điểm pt với học phí đại học còn 8,1%). Đồng thời, tâm lý hộ gia đình về triển vọng thị trường lao động, với tăng thu nhập, việc làm tạo thêm... đều đang trong xu thế cải thiện mạnh.

Kỳ vọng lạm phát trong trung hạn (3 năm) ở Mỹ vẫn ổn định ở mức 4%.

Hottest in Decades

U.S. headline inflation jumped in December by the most since 1982

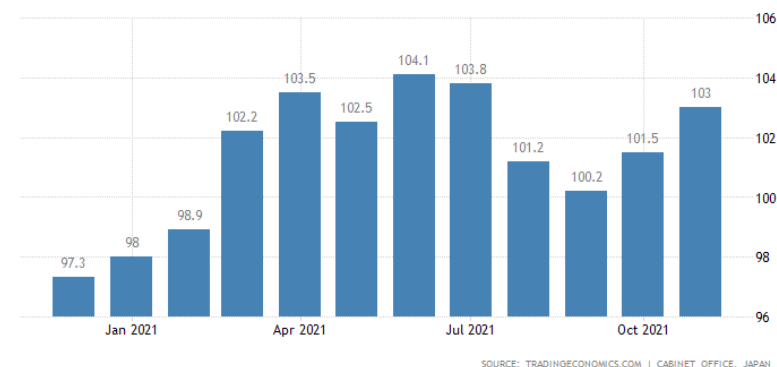
■ CPI (YoY, NSA) / Core CPI, excluding food & energy (YoY, NSA)



Nhật Bản: Chỉ số dẫn báo kinh tế cao nhất kể từ tháng 7/2021

Chỉ số dẫn báo kinh tế (Index of leading economic Indicators) - thước đo nền kinh tế trong vài tháng tới, được tổng hợp bằng cách sử dụng dữ liệu như thông báo tuyển dụng, tâm lý tiêu dùng... đã tăng lên 103,0 điểm trong tháng 11/2021 so với 101,5 của tháng 10. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 7, trong bối cảnh tỷ lệ tiêm chủng tăng mạnh và tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng đã giảm bớt.

Nguồn: BLS Mỹ



Trung Quốc: Tăng trưởng kinh tế quý 4 chậm lại nhưng tăng trưởng cả năm 2021 vượt mức mục tiêu đề ra

Tăng trưởng kinh tế quý 4/2021 đạt 4% yoy, giảm so với 4,9% của quý 3 – đây là mức tăng chậm nhất kể từ quý 2/2020.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế cả năm vọt lên 8,1% yoy, vượt mức mục tiêu đề ra 6%.

Nguồn: Tradingeconomics

Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Trung Quốc được Goldman Sachs điều chỉnh giảm từ 4,8% xuống 4,3%. Goldman Sachs cho rằng chỉ tiêu tiêu dùng của Trung Quốc có thể bị ảnh hưởng nhiều nhất, còn xuất khẩu sẽ ít bị ảnh hưởng hơn do giả định chuỗi cung ứng không bị gián đoạn nhiều và dự đoán chính phủ sẽ nới lỏng chính sách để đối phó với “lực cản” đến từ các lệnh hạn chế liên quan tới Covid-19.

Trung Quốc có thể sẽ công bố mục tiêu tăng trưởng ít nhất 5% cho năm 2022 và có thể triển khai nhiều gói kích thích hơn trong cuộc họp quốc hội thường niên vào tháng 3/2022.

Nguồn: TCTK Trung Quốc/Reuters

Trung Quốc: Lạm phát 2021 thấp hơn dự báo thị trường

Lạm phát tháng 12/2021 giảm còn 1,5% YoY từ mức cao nhất là 2,3% của tháng trước đó. Tỷ lệ này thấp hơn mức dự báo thị trường là 1,8% và là do những nỗ lực của Trung Quốc trong việc kiểm soát nguồn cung cũng như tái áp dụng các biện pháp phong tỏa ở một số khu vực do biến thể Omicron đang lan nhanh.

PPI giảm xuống mức thấp nhất 4 tháng

Lạm phát giá sản xuất (PPI) của Trung Quốc tháng 12/2021 giảm xuống còn 10,3% yoy (tháng 11 là 12,9%; dự báo thị trường là 11,1%)- là mức thấp nhất kể từ tháng 8/2021, phản ánh nỗ lực kiểm soát nguồn cung và giá hàng hóa tăng của chính phủ.

Trên cơ sở tháng, PPI giảm 1,2%. Cả năm PPI là 8,1%.

Xuất khẩu vẫn tăng cao nhưng đã có dấu hiệu giảm; nhập khẩu yếu nhất trong 3 tháng qua

Tháng 12/2021:

Xuất khẩu tăng mạnh 20,9% đạt 340,5 tỷ USD (tháng 11:22%) – đây là tháng thứ 15 liên tiếp đạt mức tăng trưởng xuất khẩu 2 con số, nhờ cầu thế giới tăng cao. Xuất sang Mỹ tăng 21,1%, EU tăng 25,65%, ASEAN tăng 12%. Nhập khẩu tăng 19,5% YOY đạt 246 tỷ USD (tháng 11: 31,7%) – đây là mức yếu nhất trong vòng 3 tháng vừa qua.

Cả năm 2021:

Xuất khẩu tăng 29,9% đạt 3,3 nghìn tỷ USD (tăng rất mạnh so với mức 3,6% năm 2020). Nhập khẩu tăng 30,1% đạt 2,7 nghìn tỷ USD (nhập từ Mỹ tăng 33,1% đạt 179,5 tỷ USD). Thặng dư cả năm đạt 676,4 tỷ USD – cao kỷ lục. Thặng dư với Mỹ tháng 12/2021 là 39,23 tỷ USD, cả năm là 396,58 tỷ USD, cao hơn 25% so với năm 2020.

Giá hàng hóa thế giới

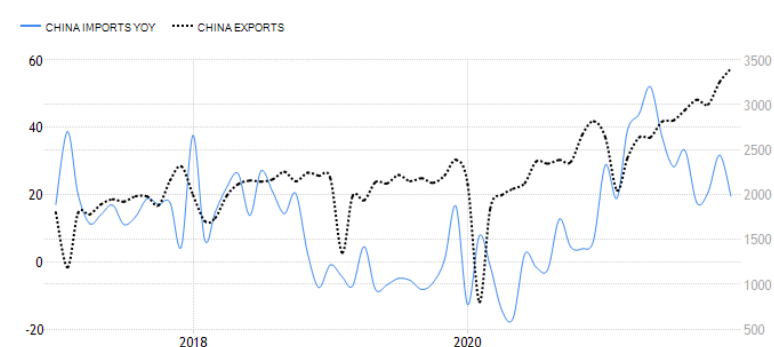
Giá vàng ngày 14/1 giảm do lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng theo kỳ vọng Fed tăng lãi suất.

Giá vàng giao ngay tại sàn New York giảm 4,1 USD xuống 1.818,1 USD/ounce.

Giá vàng tương lai giảm 0,3% xuống 1.816,5 USD/ounce.



Tính cả năm 2021, giá tiêu dùng tăng 0,9% yoy, còn xa mức mục tiêu của NHTW là 3% và thấp nhiều so với mức 2,5% của năm 2020. Tính trên cơ sở hàng tháng, giá tiêu dùng cũng bất ngờ giảm 0,3% so với tháng trước đã tăng 0,4%.



Nguồn: Tradingeconomics/NBS

Chốt tuần, giá dầu Brent tăng 5,4%, WTI tăng 6,3%, lần đầu tiên vào vùng quá mua kể từ cuối tháng 10/2021. Giá dầu WTI tương lai tăng 1,7 USD, tương đương 2,1%, lên 83,82 USD/thùng.

Một số ngân hàng đã dự báo giá dầu lên 100 USD/thùng năm nay với cầu vượt cung trong khi dự địa tăng sản lượng của OPEC và đồng minh, tức OPEC+, hạn chế.

Nguồn: OPEC+/Kitco

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

FED: Phiên điều trần của J. Powell trước Thượng viện Mỹ ngày 11/01/2022

Chủ tịch Fed J. Powell đã nêu rằng áp lực lạm phát sẽ kéo dài đến giữa năm 2022 và kỳ vọng Fed sẽ tăng lãi suất và chấm dứt mua tài sản trong năm nay, đồng thời cũng lưu ý Fed có thể tăng lãi suất nhiều hơn nếu cần thiết để đưa lạm phát trở lại mức mục tiêu.

Tháng 12/2021, Fed đã tuyên bố sẽ chấm dứt việc mua trái phiếu thời đại dịch vào tháng 3/2022, mở đường cho việc tăng lãi suất 3 lần đến cuối 2022.

Tuy nhiên, biên bản cuộc họp Ủy ban chính sách tiền tệ (thuộc Fed) vừa công bố mới đây cho thấy quan điểm “điều hòa” hơn của Fed là sẽ tăng lãi suất sớm hơn/nhanh hơn so với những gì đã tuyên bố trước đây.

Nguồn: Bloomberg

PBoC: lần đầu tiên hạ lãi suất cho vay trung hạn kể từ tháng 4/2020.

Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) ngày 17/01/2022 thông báo hạ lãi suất 10 điểm cơ bản, từ 2,95% xuống 2,85%, với 700 tỷ nhân dân tệ (110,19 tỷ USD) trị giá các khoản vay trung hạn 1 năm (MLF) cho một số tổ chức tài chính.

PBOC còn hạ lãi suất cho vay với hợp đồng mua lại đảo ngược 7 ngày, từ 2,2% xuống còn 2,1%, cung cấp thêm 100 tỷ nhân dân tệ dưới hình thức này trong khi giá trị đáo hạn ngày 17/01 chỉ là 10 tỷ nhân dân tệ.

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội

Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022.

Quy mô gói chính sách tài khoá, tiền tệ là khoảng 350.000 tỷ đồng để chủ động phòng, chống dịch và hỗ trợ kịp thời cho phục hồi và phát triển bền vững kinh tế-xã hội.

(1) Về chính sách tài khoá gồm có chính sách miễn, giảm thuế: Giảm 2% thuế suất VAT trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản xuất kim loại và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, ngành khai khoáng (không kể khai thác than), sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

(2) Về chính sách tiền tệ: Điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu để giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5%-1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên.

(3) Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN tối đa 176 nghìn tỉ đồng, tập trung trong 2 năm 2022 và 2023. Trong đó có các khoản chi cho y tế; an sinh xã hội, lao động, việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Nguồn: chinhphu.vn

Tổng Cục thống kê công bố Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

(1) Số lượng và lao động các đơn vị điều tra năm 2020 đều tăng so với năm 2016 nhưng mức độ tăng về lao động thấp hơn so với các giai đoạn trước.

**Doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD
tại thời điểm 31/12/2020 theo loại hình doanh nghiệp**



(2) Số doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì mức tăng nhưng các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ có dấu hiệu chững lại trong 5 năm qua.

(3) Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra năm 2020 biến động không đều so với năm 2016, trong đó giảm mạnh ở khối doanh nghiệp.

(4) Xét theo khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất về số lượng đơn vị và lao động.

(5) Các đơn vị điều tra tập trung nhiều nhất tại vùng Đồng bằng sông Hồng; Đông Nam Bộ tiếp tục dẫn đầu là vùng thu hút nhiều doanh nghiệp nhất cả nước.

(6) Trong giai đoạn 2016-2019, số doanh nghiệp và số lao động tăng nhanh qua từng năm và có xu hướng tăng chậm lại vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

(7) Số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tiếp tục tăng nhưng tỷ lệ phân bố các cơ sở cá thể giữa các vùng KTXH không đồng đều.

(8) So với năm 2016, đơn vị sự nghiệp giảm cả về số lượng đơn vị và quy mô lao động trong khi đơn vị hiệp hội và tổ chức phi Chính phủ giảm về số lượng đơn vị nhưng tăng về số lượng lao động.

(9) Giai đoạn 2016-2020 có sự phát triển khá nhanh số lượng các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, thể hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước là tôn trọng và tạo điều kiện phát triển hoạt động của mọi tôn giáo, tín ngưỡng chính thống của nước ta.

Nguồn: TCTK

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 2 diễn ra ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt.

- *Thị trường tiền tệ LNH:* lãi suất VND liên ngân hàng trong tuần 2 tiếp tục giảm ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.
- *Thị trường mở:* tuần 2 không ghi nhận giao dịch trên thị trường OMO.

- Lãi suất VND liên ngân hàng trong tuần từ 10-14/1 tiếp tục giảm ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống, chốt tuần 14/1 giao dịch quanh mức: qua đêm 1,20% (-0,04 điểm phần trăm so với phiên cuối tuần trước đó); 1 tuần 1,58% (-0,11 điểm phần trăm); 2 tuần 1,78% (-0,19 điểm phần trăm); 1 tháng 2,14% (-0,07 điểm phần trăm).
- Trên thị trường mở, tuần từ 10-14/1, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố, kỳ hạn 14 ngày, lãi suất đều ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu trong tuần qua, có 10.537,71 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 10.537,71 tỷ VND từ thị trường, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.

Nguồn: Thời báo NH; TTTT tổng hợp

2.2 Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 2 diễn ra ổn định so với tuần trước.
- Chỉ số USD Index trong tuần 2 giảm nhẹ so với tuần trước. Chốt phiên ngày 14/1, chỉ

- Trong tuần từ 10-14/1, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm mạnh ở hầu hết các phiên. Chốt tuần 14/1, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.082 VND/USD, giảm 56 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

số USD index đạt 95,157 điểm, giảm 0,572 điểm % so với cuối phiên tuần trước và tăng 0,308 điểm % so với phiên ngày hôm trước.

- Tỷ giá mua vào và bán ra tại sở giao dịch NHNN được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 đồng và mức 23.150 VND/USD.

- Tuần qua, tỷ giá VCB giảm 30 đồng so với cuối phiên tuần trước, sau đó tăng 20 đồng trong các phiên giữa tuần. Chốt phiên cuối tuần ngày 14/1, tỷ giá VND/USD giao dịch bán tại 22.850 VND/USD, không đổi so với cuối phiên tuần trước.

Nguồn: NHNN, Tradingview.com, TTTT tổng hợp

2.3 Thị trường trái phiếu

Thị trường TPCP sơ cấp: Tuần 02 từ 10/1/2022 - 14/1/2022, giá trị giao dịch thành công với mức 4.935 /7.000 tỷ đồng.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh: tương ứng 10 năm (chiếm 40% với lãi suất 2,08%); 15 năm (chiếm 30% với lãi suất 2,36 %); 30 năm (chiếm 30% với lãi suất 2,96 %).

Tính từ đầu năm 2022. KBNN đã huy động được 10.152 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

2.4 Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua, các chỉ số chính của thị trường biến động tăng với thanh khoản bình quân ở mức gần 40 nghìn tỷ đồng/phiên.

s

Trên thị trường thứ cấp: Tuần 02 từ 10/1/2022 - 14/1/2022, tỷ lệ trúng thầu còn bình quân ở mức 71% .

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 4.935 tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 9.339 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Lợi suất TPCP biến động giảm nhẹ trong tuần vừa qua. Chốt phiên 14/1/2022, 10 năm 2,08% (thay đổi giảm); 15 năm 2,36% (-0,001 đpt); 30 năm 2,96% (-0,001 đpt).

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1496,02 điểm (-32,46 điểm; -2,1%) và HNXIndex đóng cửa ở mức 466,86 điểm (-26,98 điểm ; -5,5%) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã mua ròng hơn 945 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 14/01/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 92,8%. Với mức này thì tăng 4,1 điểm % so với đầu năm 2021 và tăng 13,7% so với cuối năm 2020.

1 Giá trị vốn hóa là của 3 sàn HOSE-HNX-Upcom

2 GDP là GDP năm 2021 (Cách tính mới theo gso.gov.vn)

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA